

quốc ta ở các nước, các tổ chức Việt kiều ở nước ngoài muốn làm đại lý thu hút kiều hối dưới mọi hình thức phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

4. Số ngoại tệ thu được sẽ giành 30% cho Trung ương và 70% cho địa phương để sử dụng tập chung cho sản xuất theo kế hoạch, nơi nào sử dụng phải thanh toán cho Ngân hàng Ngoại thương bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá kiều hối hiện hành cộng thêm tỷ lệ phí kinh doanh do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ấn định. Quy định này thực hiện từ ngày 15-10-1987.

5. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương cần chấn chỉnh việc bán hàng cho kiều bào và kiều quyển theo hướng sau:

a) Tổ chức một cửa hàng dành riêng bán cho Việt kiều và kiều quyển thu tiền Việt Nam có gốc ngoại tệ. Vì đã có tỷ giá ưu đãi nên giá bán phải tính thuế.

b) Mặt hàng cần chọn lọc, bố trí cơ cấu hợp lý giữa hàng nội và hàng ngoại, đại bộ phận phải là hàng sản xuất trong nước (kể cả loại hàng khan hiếm không bán rộng rãi) nhằm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cần thiết, không được mua đi bán lại.

Việc tổ chức bán hàng có liên quan chặt chẽ đến tỷ giá kiều hối. Vì vậy, Bộ Ngoại thương có trách nhiệm thống nhất việc quản lý nhập hàng về bán; Bộ Nội thương thống nhất tổ chức các cửa hàng và quản lý phương thức bán cũng như cơ cấu mặt hàng và giá cả, tránh tình trạng chênh lệch giá không hợp lý giữa các địa phương hoặc giữa các đơn vị kinh doanh cùng trong một địa phương.

6. Đối với Việt kiều về thăm quê hương có mang hộ ngoại tệ cho kiều bào khác phải kê khai chi tiết người gửi, người nhận và kê khai số tiền tại cơ quan Hải quan cửa khẩu đầu tiên khi nhập cảnh, đồng thời chuyển danh sách cùng số tiền mang hộ qua Ngân hàng Ngoại thương

Việt Nam để thực hiện việc chi trả cho kiều quyển như quy định trong điều 2 của Quyết định số 126 - CT.

K. T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 293-CT ngày 12-10-1987 về việc sửa đổi một số chế độ đãi ngộ đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945 và cán bộ cao cấp.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Tiếp theo Quyết định số 147-HĐBT ngày 22-9-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về tiền lương và đời sống công nhân viên chức các lực lượng vũ trang và các đối tượng chính sách xã hội;

Căn cứ ý kiến của Ban Bí thư.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Cán bộ hoạt động cách mạng từ trước tháng 8 năm 1945, kể cả đương chức và nghỉ hưu đang hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi hàng tháng 20 đồng mỗi năm hoạt động, nay nâng lên 100đ/tháng.

2. Chế độ phụ cấp người phục vụ đối với cán bộ cao cấp tính lại như sau:

a) Bộ trưởng và các cán bộ có chức vụ tương đương có mức lương 770đ/tháng (bao gồm cả Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) đang được phụ cấp 220đ/tháng nay nâng lên 2.350đ/tháng.

b) Thứ trưởng và các cán bộ có chức vụ tương đương có mức lương 668đ/tháng

và 718đ/tháng (bao gồm cả Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng, các tỉnh và đặc khu trực thuộc Trung ương) đang được phụ cấp 110đ/tháng nay nâng lên 1.175đ/tháng.

Khi thôi giữ các chức vụ (nói ở điểm a và b) kể trên hoặc nghỉ hưu thì thôi hưởng phụ cấp (trừ trường hợp thật đặc biệt do Ban Tổ chức Trung ương xem xét quyết định).

c) Cán bộ khoa học kỹ thuật và chuyên viên cao cấp có mức lương 743đ/tháng đang được phụ cấp 110đ/tháng nay nâng lên 1175đ/tháng. Khi nghỉ hưu thì thôi hưởng phụ cấp này.

3. Cán bộ cấp tướng trong lực lượng vũ trang nghỉ hưu, ngoài chế độ chung còn được phụ cấp bảo vệ sức khỏe hàng năm theo quy định của Bộ Quốc phòng.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1987.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
 Phó Chủ tịch
 VO VĂN KIẾT

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 298-CT ngày 14-10-1987 về việc triển khai tiếp việc xử lý kết quả kiểm kê đợt 1 tháng 10 năm 1987.

Công tác kiểm kê đợt 1-10-1987 đang được tiến hành khẩn trương ở tất cả các Bộ, các ngành, các địa phương. Phần lớn các đơn vị cơ sở đã triển khai kiểm kê tại thời điểm 1 tháng 10 năm 1987. Hiện nay việc kiểm kê các quỹ bằng tiền đã làm xong bước đầu, việc kiểm kê vật tư hàng hóa đang tiến hành và sẽ kết thúc vào ngày 20 tháng 10 năm 1987.

Đề đợt kiểm kê 1-10-1987 bảo đảm thực hiện đúng tiến độ quy định và có đầy đủ số liệu cần thiết cho việc tổng hợp trong phạm vi từng Bộ, từng ngành, từng địa phương, trên cơ sở đó giúp Nhà nước nắm được đầy đủ tình hình vật tư, hàng hóa và tiền vốn (kể cả các vật tư, hàng hóa, quỹ bằng tiền đã phản ánh đầy đủ trong sổ sách và ngoài sổ sách). Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các Bộ, các ngành, các địa phương cần quán triệt những vấn đề sau đây, đề tiến hành đợt kiểm kê này đạt kết quả tốt.

1. Về đối tượng kiểm kê :

Ngoài những đối tượng đã nêu trong Chỉ thị số 269-CT ngày 22-9-1987 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư liên Bộ số 45-TT/LB của Bộ Tài chính — Tổng cục Thống kê, các Bộ, các ngành, các địa phương cần xác định cụ thể thêm một số đối tượng sau: vật tư hàng hóa ứ đọng chậm luân chuyển, số sản phẩm dở dang đang nằm trên dây chuyền sản xuất (kể cả sản phẩm dở dang trong xây dựng cơ bản) và các quỹ bằng tiền nằm ngoài sổ sách. Những đối tượng kể trên cũng phải được tiến hành kiểm kê một cách nghiêm túc, trung thực và báo cáo đầy đủ cho Ban chỉ đạo kiểm kê trung ương.

2. Về xác định giá vật tư, hàng hóa :

— Đối với vật tư, hàng hóa được điều chỉnh sau ngày 1 tháng 10 năm 1987 các đơn vị cơ sở chấp hành theo các quyết định giá của Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Vật giá Nhà nước, các ngành và các địa phương theo chế độ phân cấp quản lý giá hiện hành.

— Đối với một số loại vật tư, hàng hóa điều chỉnh trước ngày 1-10-1987 theo kết luận của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 3 mà phù hợp với mặt bằng giá Nhà nước điều chỉnh sau ngày 1-10-1987 thì